

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 72/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 29 - 7 - 2020
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Phước.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Hoàng Giang.

Ông Trần Quốc Toàn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Tú là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Trung Tính - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 99/2020/TLST-HNGĐ, ngày 24 tháng 4 năm 2020, về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 155/2020/QĐXXST-HNGĐ, ngày 25 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Đỗ Thị Đ, sinh năm 1984 (có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Lê Văn T, sinh năm 1977 (vắng mặt).

Cùng cư trú: Ấp C, xã T, huyện P, tỉnh C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 24/4/2020 và tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Đỗ Thị Đ trình bày:

Về hôn nhân: Vào năm 2012, bà và ông Lê Văn T chung sống với nhau như vợ chồng và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Trong quá trình chung sống đã xảy ra nhiều mâu thuẫn kéo dài do không hòa hợp trong lối sống, vợ chồng thường

xuân tranh cãi, mâu thuẫn. Ông Lê Văn T thường hay đánh bài và đánh đập bà. Bà và ông Lê Văn T đã không thể tự hòa giải, hàn gắn. Giữa bà và ông Lê Văn T không còn chung sống với nhau khoảng 02 năm nay mà không thể tự hòa giải, hàn gắn. Xét thấy không thể tiếp tục cuộc sống chung nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với ông Lê Văn T.

Về con chung: Có 01 người tên là Lê Văn T1 (giới tính nam) sinh ngày 16/4/2013. Hiện tại con chung đang do bà nuôi, bà yêu cầu được tiếp tục nuôi con. Yêu cầu ông Lê Văn T cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là ông Lê Văn T đã được triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt, không cung cấp lời khai chứng cứ.

Đại diện Chính quyền địa phương xã T, huyện P, tỉnh C xác định: Quá trình mâu thuẫn gia đình dẫn đến việc ly hôn giữa bà Đỗ Thị Đ và ông Lê Văn T không yêu cầu Ủy ban nhân dân xã hòa giải nên chính quyền địa phương không biết được tình trạng mâu thuẫn gia đình.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án, chấp hành pháp luật của của người tham gia tố tụng được thực hiện đúng quy định của pháp luật. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 56, 81, 82, 83, 110, 116 và 117 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận cho bà Đỗ Thị Đ ly hôn với ông Lê Văn T. Về con chung, giao Lê Văn T1 (giới tính nam) sinh ngày 16/4/2013 cho bà Đỗ Thị Đ tiếp tục nuôi dưỡng, ông Lê Văn T phải cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật. Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm buộc ông bà Đỗ Thị Đ phải chịu, án phí cấp dưỡng nuôi con buộc ông Lê Văn T phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Bà Đỗ Thị Đ yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con với ông Lê Văn T nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Ông Lê Văn T vắng mặt nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông Lê Văn T.

[2]. Xét về hôn nhân: Bà Đỗ Thị Đ và ông Lê Văn T chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 2012, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện P, tỉnh C, được chứng nhận kết hôn vào ngày 25/5/2016. Việc kết hôn phù hợp với quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình nên hôn nhân giữa bà Đỗ Thị Đ và ông Lê

Văn T được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, bà Đỗ Thị Đ xác định xảy ra nhiều mâu thuẫn kéo dài do không hòa hợp trong lối sống, vợ chồng thường xuyên tranh cãi, mâu thuẫn. Bà Đỗ Thị Đ và ông Lê Văn T đã không thể tự hòa giải, hàn gắn. Giữa bà Đỗ Thị Đ và ông Lê Văn T không còn chung sống với nhau khoảng 02 năm nay mà không thể tự hòa giải, hàn gắn và tiếp tục cuộc sống chung. Bà Đỗ Thị Đ nhận thấy hôn nhân không mang lại hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt nên yêu cầu ly hôn với ông Lê Văn T. Ông Lê Văn T đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, đồng thời không cung cấp lời khai, chứng cứ cho Tòa án xem xét cho thấy ông Lê Văn T không có thiện chí hòa giải, hàn gắn tình cảm vợ chồng. Bà Đỗ Thị Đ xác định không còn tình thương dành cho ông Lê Văn T đồng thời cương quyết yêu cầu ly hôn. Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa bà Đỗ Thị Đ và ông Lê Văn T đã và đang trầm trọng. Do đó, việc bà Đỗ Thị Đ yêu cầu ly hôn với ông Lê Văn T là có căn cứ để chấp nhận.

[3]. Về con chung: Bà Đỗ Thị Đ xác định bà và ông Lê Văn T có 01 người con chung tên là Lê Văn T1 (giới tính nam) sinh ngày 16/4/2013 hiện do bà Đỗ Thị Đ đang trực tiếp nuôi dưỡng. Bà Đỗ Thị Đ yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi và có khả năng tự lao động sinh sống. Yêu cầu này phù hợp với nguyện vọng của người con chưa thành niên, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình nên có căn cứ để chấp nhận. Ông Lê Văn T cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Điều 110 của Luật Hôn nhân và gia đình. Bà Đỗ Thị Đ yêu cầu ông Lê Văn T cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật nên có căn cứ để chấp nhận. Việc cấp dưỡng được thực hiện hàng tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi và có khả năng tự lao động sinh sống. Ông Lê Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

[4]. Về tài sản chung: Bà Đỗ Thị Đ yêu cầu tự thỏa thuận, đồng thời không có yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[5]. Về nợ chung: Bà Đỗ Thị Đ xác định không có, đồng thời không có yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[6]. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, bà Đỗ Thị Đ phải chịu theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27; về án phí cấp dưỡng nuôi con ông Lê Văn T phải chịu theo điểm a khoản 6 Điều 27 cùng của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự; áp dụng các điều 56, 81, 82, 83, 110, 116 và 117 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27, điểm a khoản 6 Điều 27 cùng của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận cho bà Đỗ Thị Đ ly hôn với ông Lê Văn T.

2. Về con chung: Giao cho bà Đỗ Thị Đ chịu trách nhiệm nuôi dưỡng Lê Văn T1 (giới tính nam) sinh ngày 16/4/2013 cho đến khi Lê Văn T1 đủ 18 tuổi và có khả năng tự lao động sinh sống. Ông Lê Văn T cấp dưỡng nuôi con, cụ thể:

- Mức cấp dưỡng: 745.000 đồng.
- Phương thức cấp dưỡng: Được thực hiện định kỳ hàng tháng.
- Thời gian cấp dưỡng: Được tính kể từ ngày 29/7/2020 (tuyên án sơ thẩm), cấp dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, có khả năng tự lao động sinh sống.

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền (cấp dưỡng) thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Ông Lê Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Bà Đỗ Thị Đ yêu cầu tự thỏa thuận nên không đặt ra xem xét.

4. Về nợ chung: Bà Đỗ Thị Đ xác định không có, đồng thời không có yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

5. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Đỗ Thị Đ phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Bà Đỗ Thị Đ đã nộp xong tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011538, ngày 24 tháng 4 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân, nay chuyên thu.

Về án phí cấp dưỡng nuôi con: Ông Lê Văn T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Bà Đỗ Thị Đ được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Lê Văn T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND H.Phú Tân;
- Phòng KT-NV & THA (Tòa án tỉnh);
- Chi cục THADS H.Phú Tân
(khi án có hiệu lực);
- UBND xã T, huyện P;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thành Phước